



SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

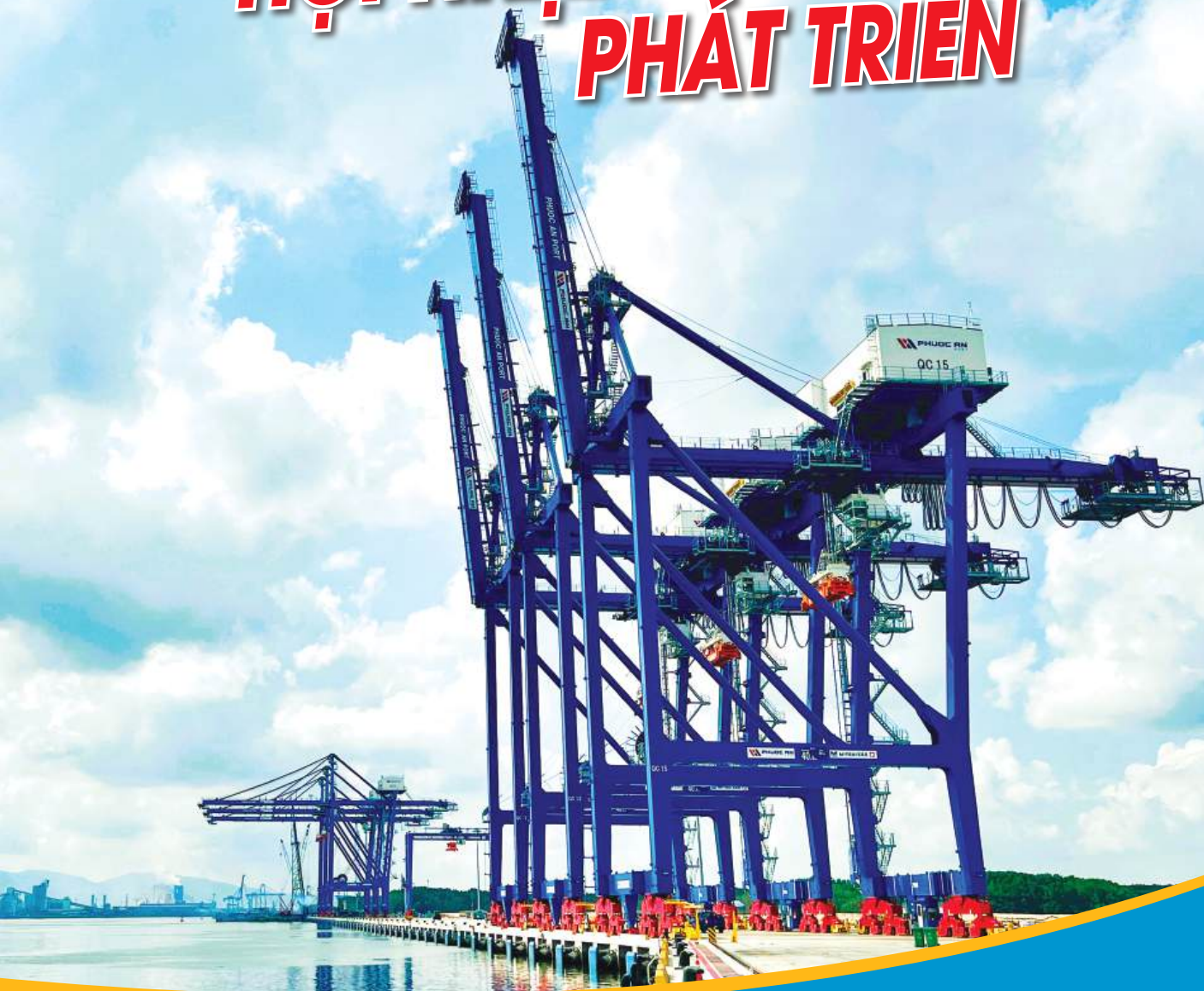
BẢN TIN

Công Thương

ĐỒNG NAI

Kỳ số 8/2026

CHUYỂN ĐỔI SỐ, HỘI NHẬP và PHÁT TRIỂN





Chịu trách nhiệm xuất bản

**SỞ CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Thực hiện
NGUYỄN HOÀNG QUYÊN
Trưởng phòng Kế hoạch
Tài chính - Tổng hợp

Thư từ bài viết và đóng góp
ý kiến gửi về:

**SỞ CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI.**

Địa chỉ: Số 2, Nguyễn Văn Trị,
phường Trảng Bàng,
thành phố Đồng Nai.
Điện thoại: 0251.3823317
Email: sct@dongnai.gov.vn

Giấy phép xuất bản
số: 01/GP.XBBT
do Ủy ban nhân dân
thành phố Đồng Nai
cấp ngày 18/6/2026.

In tại Công ty TNHH
một thành viên
In Công Nghiệp Phát.
Địa chỉ: 4/22/26, Tổ 1, KP.
Bình Thiện, phường Trảng Bàng,
thành phố Đồng Nai.

Lời mở đầu

Kính thưa quý độc giả, quý doanh nghiệp và toàn thể các cơ quan, đơn vị!

Chào mừng quý vị đến với Bản tin Công Thương Đồng Nai số 08/2026.

Tiếp nối các ấn phẩm trước, Bản tin số 08/2026 tiếp tục cập nhật bức tranh kinh tế - xã hội của ngành trong tháng 8 cùng các nhiệm vụ trọng tâm tháng 9/2026. Đồng thời, ấn phẩm tập trung hệ thống hóa các nhóm thông tin trọng điểm về cơ chế điều hành kinh tế, cải cách hành chính, quản lý cụm công nghiệp, chuyển đổi khoa học công nghệ, thương mại điện tử và phát triển logistics nhằm hỗ trợ thiết thực cho công tác quản lý, sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

Trân trọng!

Ban Biên tập

TRONG SỐ NÀY

A. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ ĐIỀU HÀNH KINH TẾ

Ngành Công Thương Đồng Nai duy trì đà tăng trưởng tháng 8 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm tháng 9/2026..... 1-3
Nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia và doanh nghiệp theo Nghị định số 323/2026/NĐ-CP 4-5
Những điểm mới của Nghị định số 336/2026/NĐ-CP về cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN 6-9
Điểm mới của Nghị định số 227/2026/NĐ-CP:
Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tháo gỡ điểm nghẽn trong hội nhập quốc tế 10-12

B. QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ XỬ LÝ DỰ ÁN

Những điểm mới và quy định trọng tâm tại Nghị định số 303/2026/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp 13-15
Điểm nhấn mới từ Nghị định số 147/2026/NĐ-CP tháo gỡ khó khăn cho các dự án tồn đọng, kéo dài 16-17

C. KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ NGÀNH SẢN PHẨM

Triển khai quy định mới về quản lý, xác nhận hoạt động công nghệ cao và sản phẩm công nghệ chiến lược theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCHN 18-19
Triển khai Quyết định số 32/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam 20-21
Đồng Nai: Cụ thể hóa các mức chi hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND và Quyết định số 2131/QĐ-UBND 22-23

D. THƯƠNG MẠI, LOGISTICS VÀ XUẤT NHẬP KHẨU

Logistics Việt Nam và bước ngoặt chiến lược đến năm 2050: Kiến tạo không gian tăng trưởng mới từ vùng động lực Đông Nam Bộ theo Quyết định số 2229/QĐ-TTg 24-26
Những điểm mới của Luật Thương mại điện tử và tác động đối với doanh nghiệp, người dân theo Luật số 122/2025/QH15 và Quyết định số 776/QĐ-TTg 26-27
Cập nhật quy định pháp luật về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC và Thông tư số 124/2026/TT-BTC 28-29

Ngành Công Thương Đồng Nai duy trì đà tăng trưởng tháng 8 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm tháng 9/2026

V.N.L

Phát huy tinh thần chủ động và quyết liệt trong công tác quản lý điều hành, ngành Công Thương thành phố Đồng Nai trong tháng 8/2026 đã đảm bảo tốt chuỗi cung ứng hàng hóa, năng lượng, qua đó duy trì vững chắc đà tăng trưởng tích cực của nền kinh tế địa phương.



Người tiêu dùng chọn mua các loại sản phẩm hàng tiêu dùng tại một siêu thị ở phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.

➔ 1. Ngoại thương khởi sắc và duy trì thặng dư ấn tượng

Hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố tiếp tục ghi nhận những con số khởi sắc trong bức tranh kinh tế chung:

- **Kim ngạch xuất khẩu:** Ước tính trong tháng 8/2026 đạt 3,20 tỷ USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm lên khoảng 23,97 tỷ USD. Trong đó, giày dép giữ vững vị trí nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất (đạt 3,46 tỷ USD, chiếm 14,45%), tiếp theo là máy móc, thiết bị và phụ tùng

(2,35 tỷ USD). Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của thành phố.

- **Kim ngạch nhập khẩu:** Tháng 8/2026 ước đạt 2,50 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu 8 tháng lên 17,55 tỷ USD chủ yếu phục vụ nguyên vật liệu và máy móc sản xuất.

- **Cán cân thương mại:** Tiếp tục duy trì thặng dư mạnh mẽ với giá trị xuất siêu 8 tháng đạt 6,42 tỷ USD (riêng tháng 8 đóng góp thêm 0,70 tỷ USD), góp phần ổn định ngoại hối và tăng trưởng chung.

- **Công tác cấp C/O:** Ngành đã chính thức tiếp

nhận và cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) từ ngày 03/8/2026 với khối lượng công việc lớn (khoảng 200 hồ sơ/ngày), qua đó kịp thời hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu đẩy nhanh tiến độ đơn hàng.

2. Bảo đảm cung ứng năng lượng và bình ổn thị trường

- **Thị trường xăng dầu và gas:** Nguồn cung xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) trên địa bàn được đảm bảo ổn định, không ghi nhận tình trạng găm hàng hay ngừng bán bất hợp pháp.



Hoạt động sản xuất giày da tại một doanh nghiệp ở phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai.

Trong tháng 8/2026, giá gas tăng 35.000 đồng/bình 12 kg, đưa giá bán lẻ lên mức 566.340 đồng/bình 12 kg. Các mặt hàng xăng dầu trải qua các kỳ điều hành với biến động tăng giảm đan xen theo sát thị trường thế giới.

- **An ninh năng lượng và tiết kiệm điện:** Lũy kế 7 tháng năm 2026, điện thương phẩm toàn thành phố đạt 12.378,11 triệu kWh (tăng 6,07% so với cùng kỳ). Nhờ đẩy mạnh các giải pháp tuyên truyền, toàn thành phố đã tiết kiệm được 837,63 triệu kWh điện năng tiêu thụ trong 7 tháng đầu năm, đạt tỷ lệ 6,77%.

3. Tăng cường kỷ cương thương mại và đẩy mạnh chuyển đổi số

- **Công tác quản lý thị trường:** Lực lượng Quản lý thị trường trong tháng đã kiểm tra 79 vụ, phát hiện và xử lý 70 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách nhà nước 638.190.931 đồng. Lũy kế 8 tháng năm 2026, lực lượng đã kiểm tra 927 vụ, xử lý 822 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách 8.561.096.330 đồng (đạt 78% chỉ tiêu cả năm).

- **Chuyển đổi số và cải cách hành chính:** Ngành đã tổ chức thành công hội nghị nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ công chức, đẩy mạnh vận hành hệ thống báo

cáo điện tử của Bộ Công Thương và ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác số hóa hồ sơ với Viện Chiến lược Chuyển đổi số. Trong công tác giải quyết thủ tục hành chính, Sở tiếp nhận 1.194 hồ sơ trong kỳ (từ ngày 15/7/2026 đến ngày 12/8/2026), giải quyết thành công 759 hồ sơ, trong đó phần lớn được xử lý trước hạn nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp.

4. Định hướng nhiệm vụ trọng tâm tháng 9/2026

Bước sang tháng 9/2026, ngành Công Thương thành phố Đồng Nai tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp then chốt sau:

- **Lĩnh vực công nghiệp và khuyến công:** Hoàn thiện và trình UBND thành phố Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ xanh giai đoạn 2026–2030, Đề án chuyển đổi công nghiệp sang công nghệ cao và Đề án kinh tế tuần hoàn. Khẩn trương hoàn thành thẩm định, phê duyệt Kế hoạch khuyến công địa phương năm 2026 (đợt 2) để triển khai nghiệm thu, giải ngân nguồn kinh phí còn lại.

- **Lĩnh vực thương mại và thị trường:** Hoàn thiện Chương trình phát triển dịch vụ thành phố Đồng

Nai giai đoạn 2026–2030 trong Quý III/2026. Theo dõi sát diễn biến thị trường, bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hóa thiết yếu như xăng dầu, LPG. Đồng thời, tiếp tục tối ưu hóa quy trình cấp C/O, củng cố nguồn nhân lực để giải quyết nhanh chóng khối lượng hồ sơ lớn cho doanh nghiệp xuất khẩu.

- **Lĩnh vực năng lượng và quản lý thị trường:** Đẩy mạnh công tác kiểm tra an toàn điện, an toàn đập thủy điện trước mùa mưa lũ; phối hợp chặt chẽ trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án giao thông trọng điểm; tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và kiểm tra hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

Những kết quả đạt được trong tháng 8/2026 tiếp tục khẳng định sự chủ động và tinh thần trách nhiệm cao của tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức ngành Công Thương thành phố Đồng Nai. Phát huy đà tăng trưởng tích cực cùng sự đồng lòng tháo gỡ khó khăn từ các cấp chính quyền, ngành Công Thương sẽ tiếp tục làm tốt vai trò “trợ lực” vững chắc cho nền kinh tế, đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp bứt phá thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những tháng cuối năm 2026.■

NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ, BẢO VỆ LỢI ÍCH QUỐC GIA VÀ DOANH NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 323/2026/NĐ-CP

V.N.L

Nhằm chủ động ứng phó từ sớm với các tranh chấp đầu tư quốc tế và tối ưu hóa nguồn lực nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 323/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 20/2026/QH16 về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 8 năm 2026, tạo hành lang pháp lý cho môi trường đầu tư kinh doanh và định hình rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý, doanh nghiệp.

1. Minh bạch hóa thông tin đầu tư

Để chặn đứng nguy cơ tranh chấp ngay từ giai đoạn đầu, hệ thống pháp luật mới thiết lập quy chế phối hợp đa ngành chặt chẽ theo Chương II:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ động phòng ngừa tranh chấp, thường xuyên rà soát pháp luật và đối thoại với nhà đầu tư nước ngoài để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (khoản 1 Điều 3).

- Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện cung cấp thông tin minh bạch, đánh giá tính phù hợp của dự án, rà soát lịch sử khiếu nại để nhận diện rủi ro pháp lý và lưu trữ hồ sơ đầy đủ (điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 4).

- Hoạt động xúc tiến đầu tư không được cam kết các chính sách ưu đãi vượt thẩm quyền hoặc chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật; thông tin giới thiệu chỉ mang tính chất tham khảo (khoản 2, 3 Điều 5).

- Cổng thông tin quốc gia về đầu tư tiếp nhận phản ánh, khiếu nại với thời hạn xử lý của cơ quan có thẩm quyền là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đến (khoản 4 Điều 6).

2. Quy trình xử lý chuyên nghiệp, chặt chẽ khi có tranh chấp

Khi xảy ra tranh chấp hoặc xuất hiện ý định khởi kiện,

Chính phủ áp dụng một quy trình tố tụng chuẩn hóa theo Chương III, để cao kỷ luật hành chính:

- **Đánh giá ban đầu và chiến lược tổng thể:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài, Cơ quan chủ trì xây dựng bản đánh giá ban đầu (khoản 1 Điều 14). Tiếp đó, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận Đơn khởi kiện, xây dựng chiến lược giải quyết trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong thời hạn 07 ngày



Hoạt động chế biến hạt điều tại một doanh nghiệp ở xã Xuân Hòa, thành phố Đồng Nai.



Hoạt động bốc dỡ hàng hóa tại cảng Phước An (xã Phước An, thành phố Đồng Nai).

làm việc (khoản 1, 3 Điều 15).

- **Hòa giải và tổ tụng linh hoạt:** Phương án hòa giải được xem xét thúc đẩy ở bất kỳ thời điểm nào nhằm giảm thiểu chi phí (khoản 1 Điều 16). Các bản đệ trình (Điều 18) và phiên xét xử tại cơ quan tài phán (Điều 19) được chuẩn bị kỹ lưỡng, bảo đảm tuyệt đối thời hạn tố tụng.

- **Thi hành và Tổng kết:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận bản án, phán quyết, Cơ quan chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án tổ chức thực hiện (khoản 1 Điều 20). Sau khi vụ việc kết thúc, các bên tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm (Điều 22).

3. Chính sách tài chính và chế độ đặc thù cho đội ngũ nhân sự

Nhận thức rõ tính chất phức

tạp, nhạy cảm và áp lực cao của các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Chương IV của Nghị định dành nguồn lực tài chính và chính sách đãi ngộ thỏa đáng:

- **Bảo đảm nguồn kinh phí:** Ngân sách nhà nước chi trả toàn bộ cho các hoạt động tố tụng, tham vấn chuyên gia trong và ngoài nước, thuê luật sư, chi phí cho người làm chứng, truy cập cơ sở dữ liệu và thực thi phán quyết (Điều 23, Điều 24).

- **Chính sách hỗ trợ nhân sự:** Đội ngũ làm công tác chuyên môn được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng theo Điều 26:

+ Người có vị trí việc làm về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp được hưởng hỗ trợ 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (khoản 2 Điều 26).

+ Người trực tiếp tham gia

giải quyết vụ việc tại Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý được hưởng hỗ trợ 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng trong thời gian tham gia trực tiếp (khoản 3 Điều 26).

+ Thành viên Tổ công tác liên ngành được hưởng phụ cấp tăng thêm 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (khoản 4 Điều 26).

Việc hoàn thiện khung pháp lý tại Nghị định số 323/2026/NĐ-CP minh định cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc kiến tạo một môi trường đầu tư an toàn, minh bạch và tuân thủ luật pháp quốc tế. Điều này không chỉ bảo vệ tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam mà còn củng cố niềm tin vững chắc cho cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước. ■

Những điểm mới của Nghị định số 336/2026/NĐ-CP về cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN

N.H.Q

Ngày 22 tháng 8 năm 2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 336/2026/NĐ-CP quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN. Văn bản này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2026, đồng thời thay thế Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 và bãi bỏ Nghị định số 27/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ, đánh dấu bước chuyển mình quan trọng trong tiến trình cải cách thủ tục hành chính và đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia.

Nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các quy định pháp luật mới trong hoạt động xuất nhập khẩu, vận tải qua biên giới, dưới đây là toàn văn tóm tắt các nội dung trọng tâm của Nghị định số 336/2026/NĐ-CP.

1. Thủ tục đối với tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

- **Tiếp nhận thông tin:** Tổ chức kiểm dịch y tế, Cảng vụ hàng không, Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an) và Cơ quan hải quan tiếp nhận thông tin chuyến bay, hành khách, tổ lái, đặt chỗ (PNR) qua Cổng thông tin

một cửa quốc gia (Điều 24, Điều 25).

- **Thời hạn giải quyết:** Các cơ quan xử lý tại cảng hàng không hoàn tất thủ tục và xác nhận trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ khi người khai nộp đủ hồ sơ hợp lệ (khoản 4 Điều 24, khoản 5 Điều 25).

- **Trường hợp đặc thù (Văn bản IDERA):** Đối với tàu bay có văn bản IDERA đăng ký với Nhà chức trách hàng không, chỉ người được chỉ định mới có quyền đề nghị xuất khẩu theo Công ước và Nghị định thư Cape Town (khoản 2 Điều 25).

- **Tàu bay quá cảnh:** Khi nhập cảnh thực hiện theo Điều 24; khi xuất cảnh nếu

có thay đổi thông tin hồ sơ thì thực hiện theo Điều 25 (Điều 26).

2. Thủ tục đối với tàu thuyền tại cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi

- **Trách nhiệm kết nối:** Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng và Bộ Xây dựng kết nối hệ thống xử lý chuyên ngành với Cổng thông tin một cửa quốc gia (Điều 27).

- **Thời hạn khai báo hồ sơ:** Quy định rõ các mốc thời gian trước khi tàu cập cảng hoặc rời cảng cho từng loại chứng từ (từ 02 đến 24 giờ tùy hành trình và loại chứng từ) (khoản 2 Điều 28).

- **Phân định cơ quan đầu mối và thẩm quyền quyết định cuối cùng khi có ý kiến khác nhau (khoản 2 Điều 29):**

+ **Cảng vụ hàng hải/đường thủy nội địa:** Quyết định đối với Bản khai chung (điểm a khoản 2 Điều 29).

+ **Cơ quan hải quan:**

Quyết định đối với Bản khai hàng hóa, hàng hóa nguy hiểm, hành lý, dự trữ của tàu (điểm b khoản 2 Điều 29).

+ **Biên phòng cửa khẩu cảng:** Quyết định danh sách hành khách, thuyền viên, người trốn trên tàu, vũ khí và vật liệu nổ (điểm c khoản 2 Điều 29).

+ **Tổ chức kiểm dịch y tế:** Quyết định Giấy khai báo y tế hàng hải, giấy chứng nhận xử lý vệ sinh, kiểm dịch y tế hàng hóa, thi thể/hài cốt/tro cốt... (điểm d khoản 2 Điều 29).

- **Cấp phép điện tử:** Hoàn thành thủ tục trong thời hạn chậm nhất 01 giờ kể từ khi đủ giấy tờ (khoản 3 Điều 29).

3. Thủ tục đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh

- **Thời hạn khai báo:** Chậm nhất 30 phút trước khi phương tiện đến khu vực cửa khẩu (khoản 2 Điều 31).

- **Thời hạn giải quyết thủ tục:** Không quá 01 giờ kể từ khi người khai gửi thông tin đầy đủ, hợp lệ (khoản 2 Điều 34).

- **Phân định cơ quan đầu mối khi có ý kiến khác nhau (điểm b khoản 3 Điều 34):**

+ **Cơ quan hải quan:** Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu, tờ khai phương tiện vận tải tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập (điểm b khoản 3 Điều 34).

+ **Bộ đội Biên phòng cửa khẩu:** Bản khai người điều khiển, người đi trên phương tiện, danh sách hành khách (điểm b khoản 3 Điều 34).

+ **Tổ chức kiểm dịch y tế:**

Giấy khai báo y tế hàng hải, giấy chứng nhận kiểm tra phương tiện/hàng hóa, thi thể, mẫu vi sinh... (điểm b khoản 3 Điều 34).

- **Thu phí hạ tầng cửa khẩu:** Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) tiếp nhận thông tin về phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa để triển khai thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (điểm đ khoản 2 Điều 33).

4. Thủ tục đối với phương tiện vận tải đặc thù

- **Đối tượng áp dụng:** Phương tiện vận tải hàng hóa vận hành tự động (không người điều khiển), băng tải, ống dẫn, đường ➡



Người dân đến thực hiện thủ tục hành chính tại xã Thuận Lợi, thành phố Đồng Nai.

truyền qua cửa khẩu biên giới đường bộ (khoản 1 Điều 35).

- **Cơ chế thực hiện:** Chủ phương tiện hoặc đơn vị quản lý cung cấp danh sách phương tiện qua lại trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và không phải làm thủ tục hải quan đối với phương tiện (khoản 3 Điều 35). Hệ thống vận hành được kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (khoản 5 Điều 35).

5. Thủ tục đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

- **Phương thức trao đổi thông tin:** Thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng có trách nhiệm kết nối hoặc trực tiếp truy cập hệ thống (Điều 36).

- **Hồ sơ làm thủ tục:** Thực hiện theo các quy định hiện hành và chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Điều 37).

- **Thời hạn khai báo hồ sơ (Điều 38):**

+ **Nhập cảnh:** Chậm nhất 30 phút trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới (khoản 1 Điều 38).

+ **Xuất cảnh:** Chậm nhất 30 phút trước khi tàu rời ga đối với tàu chở khách, hoặc 01 giờ trước khi tàu rời ga đối với tàu chở hàng hóa (khoản 2 Điều 38).



Khu vực hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục hành chính đối với lĩnh vực công thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Long Thành, thành phố Đồng Nai.

+ **Quá cảnh:** Khi nhập cảnh thực hiện như khoản 1; khi xuất cảnh có thay đổi chứng từ thì thực hiện như khoản 2 (khoản 3 Điều 38).

- **Thời hạn khai sửa đổi, bổ sung (Điều 39):**

+ **Nhập cảnh:** Các chứng từ như giấy giao tiếp hàng hóa, vận đơn, bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu thực hiện trước khi đưa hàng ra khỏi khu vực giám sát hải quan (điểm a khoản 1 Điều 39).

+ **Xuất cảnh:** Danh sách thành viên tàu, hành khách, vũ khí/vật liệu nổ, người trốn trên tàu thực hiện trước thời điểm tàu rời ga; các chứng từ khác trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu rời ga (khoản 2 Điều 39).

- **Thời hạn xử lý và phản hồi:** Các cơ quan xử lý phản hồi trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 40).

6. Thủ tục đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh

- **Phương thức và kết nối:** Thực hiện qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; các Bộ (Tài chính, Y tế, Quốc phòng, Xây dựng) kết nối hệ thống xử lý chuyên ngành (Điều 41).

- **Thời hạn khai báo:** Chậm nhất 30 phút trước khi phương tiện đến khu vực cửa khẩu (khoản 2 Điều 42).

- **Thời hạn khai sửa đổi, bổ sung:** Trước hoặc

ngay sau khi phương tiện đến/rời cửa khẩu (riêng bản kê hàng hóa nhập khẩu thực hiện trước khi đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan) (khoản 3 Điều 42).

- Phân định cơ quan đầu mối khi có ý kiến khác nhau (khoản 2 Điều 43):

+ *Cơ quan hải quan:* Chịu trách nhiệm chính và quyết định đối với các chứng từ theo Điều 79 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung) (điểm a khoản 2 Điều 43).

+ *Biên phòng cửa khẩu:* Quyết định danh sách hành khách (nếu chở khách), danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện (điểm b khoản 2 Điều 43).

+ *Tổ chức kiểm dịch y tế:* Quyết định Giấy khai báo y tế, thi thể/hài cốt/tro cốt (nếu có), mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có) (điểm c khoản 2 Điều 43).

- Cấp phép điện tử: Chậm nhất 01 giờ kể từ khi người làm thủ tục khai và xuất trình đủ giấy tờ (khoản 3 Điều 43).

7. Thực hiện điều ước quốc tế và Cơ chế một cửa ASEAN

- Cổng thông tin một cửa quốc gia: Là đầu mối tiếp nhận và trao đổi thông tin, chứng từ điện tử với cơ quan, tổ chức

của các quốc gia, vùng lãnh thổ có ký kết thỏa thuận/điều ước quốc tế với Việt Nam (khoản 1 Điều 44).

- Giá trị pháp lý: Chứng từ điện tử trao đổi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia có giá trị pháp lý như chứng từ giấy khi đáp ứng đủ các điều kiện theo điều ước quốc tế và quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định (Điều 45).

- Cơ chế một cửa ASEAN: Thông tin, dữ liệu truyền qua cơ chế một cửa ASEAN được cơ quan hải quan sử dụng để thông quan hàng hóa và chia sẻ với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan (Điều 46).

8. Các Phụ lục đính kèm chuẩn hóa dữ liệu

Nghị định số 336/2026/NĐ-CP ban hành kèm theo 04 Phụ lục quan trọng nhằm thống nhất cấu trúc dữ liệu điện tử:

- Phụ lục I: Chỉ tiêu đăng ký thông tin đối với người sử dụng là người khai (Thông tin chung, thông tin người đại diện theo pháp luật, thông tin chữ ký số).

- Phụ lục II: Chỉ tiêu đăng ký thông tin đối với người sử dụng là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các bộ, ngành (gồm 8 tiêu chí bắt buộc như đơn vị quản lý, họ tên, chức danh, số điện thoại, thư điện tử, số định danh

cá nhân/hộ chiếu, quyền sử dụng chức năng).

- Phụ lục III: Bản khai chung chỉ tiêu thông tin đối với các thủ tục thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (chia thành 5 phần: Thông tin hồ sơ, thông tin tổ chức/cá nhân, thông tin hàng hóa, thông tin vận chuyển, danh mục hồ sơ đính kèm).

- Phụ lục IV: Bản kết quả xử lý đối với các thủ tục thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (chia thành 6 phần: Thông tin hồ sơ, thông tin định danh kết quả, thông tin cơ quan cấp, thông tin tổ chức/cá nhân được cấp, thông tin hàng hóa được cấp phép, thông tin vận tải).

Nghị định số 336/2026/NĐ-CP chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2026, các quy định mới về cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành sẽ tạo bước tiến quan trọng trong cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, giúp cắt giảm tối đa thời gian và chi phí cho người dân cũng như doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu và vận tải qua biên giới. Các cơ quan quản lý nhà nước, người khai và các bên liên quan cần chủ động nghiên cứu, cập nhật cấu trúc dữ liệu theo các Phụ lục ban hành kèm theo để thực hiện. ■

Điều mới của Nghị định số 227/2026/NĐ-CP:

ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN VÀ THẢO GỖ ĐIỂM NGHẼN TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

V.N.L

Căn cứ Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội ngày 10 tháng 12 năm 2025 về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, ngày 24 tháng 6 năm 2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 227/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều về thúc đẩy tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác; hội nhập quốc tế của địa phương; khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế và một số cơ chế, chính sách đặc thù. Văn bản quan trọng này chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (24/6/2026).

1. Trình tự, thủ tục tham gia, chấm dứt, tạm đình chỉ các tổ chức và diễn đàn quốc tế (Chương II)

Căn cứ từ Điều 3 đến Điều 11 của Nghị định số 227/2026/NĐ-CP, việc tham gia các tổ chức, diễn đàn đa phương không qua ký kết điều ước/thỏa thuận quốc tế được chuẩn hóa chặt chẽ theo từng cấp:

- **Nhân danh Chính phủ (Điều 4):** Cơ quan đề xuất (bộ, cơ quan ngang bộ) gửi hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao (thời hạn phản hồi từ

07 đến 15 ngày làm việc) trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- **Nhân danh Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh (Điều 5):** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định và tự chịu trách nhiệm sau khi có ý kiến đồng ý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao. Trường hợp có ý kiến phản đối từ một trong ba bộ này, cơ quan không được tham gia.

- **Nhân danh UBND cấp xã (Điều 6):** UBND cấp xã gửi hồ sơ lấy ý kiến Công

an cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về đối ngoại cấp tỉnh và các cơ quan Sở liên quan; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- **Chấm dứt, tạm đình chỉ (Điều 11):** Cơ quan có thẩm quyền quyết định tham gia cũng có thẩm quyền quyết định chấm dứt hoặc tạm đình chỉ, đặc biệt bắt buộc phải chấm dứt nếu quá trình tham gia vi phạm các nguyên tắc đối ngoại cơ bản tại Điều 3.

2. Thí điểm thành lập Văn phòng đại diện của UBND cấp tỉnh ở nước ngoài (Chương III)

Theo quy định từ Điều 12 đến Điều 15 của Nghị định số 227/2026/NĐ-CP, cơ chế thí điểm được thiết kế cụ thể:

- **Tiêu chuẩn địa phương và địa bàn đặt trụ sở (Điều**



Doanh nghiệp tham gia kết nối giao thương tại một hội nghị xúc tiến thương mại với các chuỗi cung ứng, bán lẻ tại Đồng Nai.

12 khoản 1): Áp dụng cho nhóm 5 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có giá trị thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoặc kim ngạch xuất khẩu cao nhất cả nước trong năm trước đó. Nơi đặt văn phòng phải thuộc nhóm 3 nước có vốn đầu tư hoặc kim ngạch nhập khẩu cao nhất với địa phương.

- Thẩm quyền và điều kiện (Điều 12 khoản 2, 3): Địa phương phải xây dựng Đề án cụ thể, không làm tăng tổng số biên chế và phải có ý kiến thống nhất của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

- Chức năng và tổ chức (Điều 13): Là đại diện chính thức của UBND cấp tỉnh (một văn phòng có thể đại diện cho nhiều tỉnh theo thỏa thuận); hoạt động theo chế độ thủ trưởng, chịu sự quản lý của UBND cấp tỉnh và quản lý thống nhất về đối ngoại của Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước sở tại.

- Nhân sự và nhiệm kỳ (Điều 15): Thành viên phải có trình độ đại học trở lên, thông thạo ngoại ngữ, được Bộ Công an thẩm định nhân sự. Nhiệm kỳ công tác không phải người thường trú ở nước ngoài là 36 tháng (tối đa không

quá ngày 31/12/2030) và được bố trí việc làm trở lại khi về nước nếu là cán bộ, công chức, viên chức.

3. Phương thức khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế (Chương IV)

Căn cứ Điều 16 và Điều 17 của Nghị định số 227/2026/NĐ-CP, cơ chế tài chính được đổi mới toàn diện:

- Định mức khoán chi (Điều 16): Đối với nhiệm vụ xây dựng đề án, chiến lược, định hướng hội nhập quốc tế trọng tâm, mức kinh phí khoán tối đa là ➡

➡ 500.000.000 đồng/đề án do Chính phủ ban hành và tối đa 350.000.000 đồng/đề án do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành.

- **Cơ chế thanh quyết toán (Điều 17 khoản 5, 6):** Áp dụng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng. Tổ chức chủ trì được tự quyết định điều chỉnh các khoản mục chi, thuê chuyên gia trong và ngoài nước; không phải quyết toán chi tiết theo từng khoản mục, mà quyết toán tổng số kinh phí dựa trên kết quả đánh giá sản phẩm cuối cùng theo cam kết bằng văn bản.

4. Các cơ chế, chính sách đặc thù khác (Chương V)

- **Ưu đãi, miễn trừ ngoại giao (Điều 18):** Quy định trình tự, thủ tục trình Chính phủ quyết định việc dành quyền ưu đãi, miễn trừ cho các tổ chức quốc tế, văn phòng nước ngoài và phái đoàn đặc biệt sau khi lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan.

- **Hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển logistics và thành lập VietCham (Điều 21):** Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ doanh nghiệp thông tin, kết nối đối tác, lập và vận hành kho ngoại quan, dịch vụ logistics. Doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài được phép thành

lập Hiệp hội thương mại Việt Nam ở nước ngoài (tên tiếng Anh: Viet Nam Chamber of Commerce in..., viết tắt là VietCham) theo mô hình phi lợi nhuận để bảo vệ quyền lợi hội viên, thúc đẩy thương mại và đầu tư.

- **Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Điều 22):** Giao Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận hồ sơ, phối hợp xử lý nhanh chóng với cơ quan công an; người đứng đầu cơ quan đại diện được xem xét quyết định miễn phí trong trường hợp phục vụ lợi ích hội nhập quốc tế.

- **Dự án đầu tư công khẩn cấp (Điều 23):** Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và bộ trưởng quản lý cơ quan ở nước ngoài được quyết định mua bất động sản hoặc triển khai dự án xây dựng công trình theo trình tự dự án đầu tư công khẩn cấp khi phát sinh nhu cầu ngoài danh mục trung hạn.

Trong hệ sinh thái triển khai Nghị định số 227/2026/NĐ-CP tại các địa phương, Sở Công Thương đóng vai trò là cơ quan tham mưu nòng cốt, cụ thể:

- **Thúc đẩy xuất khẩu và mở rộng thị trường:** Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ngoại giao, Văn phòng đại diện cấp tỉnh ở nước ngoài để cập nhật thông tin thị trường, rào cản thương mại, giúp doanh nghiệp địa phương

tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và mở rộng chuỗi cung ứng.

- **Hỗ trợ hạ tầng logistics và kho ngoại quan:** Tham mưu cho UBND cấp tỉnh các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng mạng lưới logistics, kho hàng và kết nối trực tiếp với hệ thống phân phối quốc tế, đặc biệt đối với các địa phương thuộc nhóm đầu về kim ngạch xuất khẩu.

- **Phát triển mạng lưới thương mại:** Tạo điều kiện, hướng dẫn và kết nối cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tham gia các hiệp hội, mạng lưới thương mại quốc tế, trong đó có việc hưởng ứng mô hình Hiệp hội thương mại Việt Nam ở nước ngoài (VietCham) nhằm bảo vệ và thúc đẩy lợi ích xuất nhập khẩu của tỉnh.

Nghị định số 227/2026/NĐ-CP là hành lang pháp lý vững chắc, đánh dấu bước đột phá trong việc tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, đẩy mạnh phân cấp và nâng cao năng lực chủ động hội nhập quốc tế từ cơ sở. Các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền các cấp và cộng đồng doanh nghiệp cần quán triệt, chủ động nghiên cứu và triển khai hiệu quả các quy định tại Nghị định này, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội đất nước phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên hội nhập toàn diện. ■

Những điểm mới và quy định trọng tâm tại Nghị định số 303/2026/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

N.HQ



Hoạt động sản xuất hàng dệt may tại một doanh nghiệp ở Cụm công nghiệp Đồng Phú Cường (xã Thống Nhất, thành phố Đồng Nai).

Ngày 01 tháng 8 năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 303/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Văn bản này điều chỉnh nhiều quy định quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, tháo gỡ khó khăn về đất đai, nguồn vốn và hoàn thiện trình tự, thủ tục pháp lý.



➤ **Phân định khái niệm, tiêu chí loại hình và phân cấp quản lý cụm công nghiệp**

Nghị định số 303/2026/NĐ-CP bổ sung và chuẩn hóa chi tiết các tiêu chí kỹ thuật đối với từng loại hình cụm công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh phân cấp gắn với vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã:

- **Quy mô và khái niệm cơ bản:** Cụm công nghiệp là nơi sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 05 ha.

- **Cụm công nghiệp làng nghề:** Có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành

cho việc di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong làng nghề, có nghề truyền thống được công nhận.

- **Cụm công nghiệp chuyên ngành:** Có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành cho các dự án đầu tư có cùng ngành, nghề.

- **Cụm công nghiệp hỗ trợ:** Có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành cho các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định pháp luật.

- **Cụm công nghiệp công nghệ cao:** Có tối thiểu 30% diện tích đất công nghiệp dành cho các dự án nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng công nghệ cao.

- **Cụm công nghiệp sinh thái:** Hướng đến phát triển kinh tế bền vững, tuần

hoàn, giảm thiểu tác động môi trường; có các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và liên kết sản xuất để tái sử dụng nguyên liệu, nước, năng lượng, chất thải.

- **Phân cấp hành chính:** Điều chỉnh thay thế từ “huyện” thành “xã” tại nhiều điều khoản liên quan đến quy trình, trách nhiệm phối hợp và báo cáo tại địa phương.

Điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và cơ chế xử lý quỹ đất

Nghị định quy định cụ thể các điều kiện pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tránh tình trạng đầu tư dàn trải:

- **Điều kiện thành lập:**
+ Có trong danh mục các



Sản xuất gốm tại một xưởng sản xuất ở Cụm công nghiệp gốm sứ Tân Hạnh (phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai).

cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có quỹ đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc chỉ tiêu sử dụng đất xác định đến đơn vị hành chính cấp xã.

+ Có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp lý, năng lực làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

+ Tại địa bàn cấp xã đã thành lập cụm công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy trung bình phải đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê không vượt quá 50 ha (quy định này không áp dụng đối với cụm công nghiệp công nghệ cao và cụm công nghiệp sinh thái).

- **Điều kiện mở rộng:** Tổng diện tích sau khi mở rộng không vượt quá 75 ha; đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 50% hoặc nhu cầu thuê đất vượt quá diện tích hiện có; đã hoàn thành xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung thiết yếu (đường giao thông nội bộ, cấp nước, xử lý nước thải, rác thải, phòng cháy chữa cháy).

- **Xử lý quỹ đất ưu tiên:** Trường hợp cụm công nghiệp thành lập mới sau ngày Nghị định có hiệu lực mà không nhận hỗ trợ đầu tư hạ tầng từ ngân sách nhà nước, sau thời hạn 02 năm kể từ ngày hoàn thành đầu tư hạ tầng mà không có doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu

vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê lại, chủ đầu tư được báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh quyết định thành lập để cho các doanh nghiệp khác thuê, thuê lại.

Trình tự lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật

Việc lựa chọn chủ đầu tư được quy định linh hoạt, bảo đảm tuân thủ hệ thống pháp luật chuyên ngành:

- **Áp dụng theo luật chuyên ngành:** Trường hợp Luật Đầu tư hoặc luật khác quy định cụ thể về việc lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thì thực hiện theo quy định của luật đó trước khi thành lập, mở rộng. Doanh nghiệp đã được lựa chọn theo hình thức này sẽ thực hiện thủ tục thành lập, mở rộng và không phải thực hiện thủ tục đánh giá bằng điểm số.

- **Trường hợp áp dụng Hội đồng đánh giá (Thang điểm 100):** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá (Chủ tịch là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phó Chủ tịch là lãnh đạo Sở Công Thương, Sở Tài chính; thành viên là đại diện các sở, cơ quan liên quan; Thư ký là đại diện phòng chuyên môn của Sở Công Thương) để chấm điểm các tiêu chí:

+ Phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Tối đa 40 điểm.

+ Năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã: Tối đa 30 điểm.

+ Phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Tối đa 15 điểm.

+ Phương án quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp: Tối đa 15 điểm.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã đạt từ 50 điểm trở lên được xem xét, quyết định giao làm chủ đầu tư.

+ Cơ chế hỗ trợ đầu tư hạ tầng và điều khoản thi hành

- **Hỗ trợ từ ngân sách địa phương:** Ngân sách địa phương được sử dụng để hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và thông tin liên lạc cho các đối tượng cụm công nghiệp theo quy định. Không áp dụng quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản hình thành từ nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật này; chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý, sửa chữa, vận hành thường xuyên.

- **Hiệu lực thi hành:** Nghị định số 303/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2026. Các Điều 6, 11 và 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. ■

Điểm nhấn mới từ Nghị định số 147/2026/NĐ-CP tháo gỡ khó khăn cho các dự án tồn đọng, kéo dài

P.T.M.L

Thực hiện Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài, ngày 07 tháng 5 năm 2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 147/2026/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 13, Nghị định này chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2026.

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Căn cứ theo các điều khoản tại Chương I của Nghị định số 147/2026/NĐ-CP:

- **Phạm vi điều chỉnh (Điều 1):** Nghị định trực tiếp hướng dẫn thi hành các cơ chế đặc thù tháo gỡ khó khăn cho dự án tồn đọng, kéo dài theo Nghị quyết số 29/2026/QH16, cụ thể:

+ Xử lý dự án đã được cấp giấy chứng nhận không đúng quy định theo Khoản 1 Điều 1.

+ Xử lý việc tiếp tục giao đất, cho thuê đất đối với các dự án vi phạm về lựa chọn nhà đầu tư, quản lý và sử dụng đất theo Khoản 2 Điều 1.

+ Xử lý đối với dự án đầu tư trên khu đất mà Nhà nước đã thu hồi đất không thuộc trường hợp thu hồi theo quy định của pháp luật theo Khoản 3 Điều 1.

+ Sửa đổi mục 14 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV theo Khoản 4 Điều 1.

- **Đối tượng áp dụng (Điều 2):** Bao gồm cơ quan nhà nước, người sử dụng đất, tổ chức và cá nhân có liên quan đến các dự án thuộc diện áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

2. Chi tiết cơ chế xử lý các nhóm dự án vướng mắc

- Xử lý dự án đã được cấp giấy chứng nhận không đúng quy định (Chương II)

+ **Trình tự rà soát và lập hồ sơ:** Theo Khoản 1 và Khoản 3 Điều 3, Sở Xây dựng (hoặc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại các địa phương tổ chức riêng cơ quan này) chủ trì rà soát sự phù hợp quy hoạch đô thị và nông thôn. Tiếp đó, theo Khoản 2 Điều 3, cơ quan này tổng hợp kết quả lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép điều chỉnh mục đích hoặc thời hạn sử dụng đất. Đối với diện tích đất được điều chỉnh này, người sử dụng đất không phải thực hiện điều

chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất theo Khoản 4 Điều 3.

+ **Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai (Điều 4):**

Theo Khoản 1 Điều 4, Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm xác định giá đất, chuyển thông tin đến cơ quan thuế để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp bổ sung, đồng thời ban hành Quyết định công bố danh sách giấy chứng nhận liên quan.

Theo Khoản 2 Điều 4, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng 03 lần (mỗi lần cách nhau 30 ngày), gửi thông báo bằng văn bản cho người sử dụng đất, các tổ chức hành nghề công chứng và các bên liên quan, đồng thời thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp mới hoặc xác nhận thay đổi.

+ **Xác định nghĩa vụ tài chính bổ sung (Điều 5):** Thời điểm xác định giá đất và tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp bổ sung là thời điểm UBND cấp tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 5. Số tiền phải nộp bổ sung được xác định theo công thức $TBS = T1 - T2$ quy định tại Khoản 2 Điều 5, trong đó:

T_{BS}: Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp bổ sung.

T₁: Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định theo chính sách và giá đất tại thời

điểm Nhà nước điều chỉnh giấy chứng nhận được cấp.

T₂: Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo mục đích sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận không đúng quy định được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm Nhà nước điều chỉnh giấy chứng nhận được cấp.

Trường hợp số tiền đã nộp trước đây lớn hơn số tiền tính theo giá đất ở tại thời điểm cấp giấy chứng nhận không đúng trước đó, Nhà nước không hoàn trả khoản tiền chênh lệch theo Khoản 3 Điều 5.

- Tiếp tục giao đất, cho thuê đất đối với dự án vi phạm (Chương III)

+ Rà soát điều kiện (Điều 6): Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát các điều kiện theo Nghị quyết số 170/2024/QH15, lập hồ sơ trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép tiếp tục giao đất, cho thuê đất đối với từng dự án.

+ Xử lý tài chính và thủ tục đầu tư:

Theo Khoản 5 Điều 6, nhà đầu tư không phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với khoảng thời gian từ ngày bãi bỏ quyết định giao đất, cho thuê đất cũ đến ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất mới.

Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện theo Điều 7, áp dụng tương tự như trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 23 Luật Đầu tư.

Việc xử lý tiền bồi thường, hỗ

trợ, tái định cư mà nhà đầu tư đã ứng trước thực hiện theo Khoản 1 Điều 8 dựa trên Nghị định số 103/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP và Nghị định số 50/2026/NĐ-CP). Trường hợp nhà đầu tư không bảo đảm năng lực để tiếp tục thực hiện dự án, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định việc hoàn trả kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương (chi đầu tư phát triển khác) theo Khoản 2 Điều 8.

- Xử lý dự án trên khu đất Nhà nước đã thu hồi không đúng quy định (Chương IV)

+ Trình tự thực hiện (Điều 9): Theo Khoản 1 Điều 9, Sở Tài chính chủ trì phối hợp rà soát các điều kiện theo Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 29/2026/QH16. Đồng thời, việc xác định dự án không có tranh chấp, khiếu kiện hoặc đã giải quyết xong được thực hiện theo Khoản 2 Điều 9 để trình UBND cấp tỉnh cho phép dự án tiếp tục thực hiện. Sau khi có quyết định, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo Khoản 3 Điều 9.

+ Xử lý kinh phí (Điều 10): Việc xử lý kinh phí chủ đầu tư đã bỏ ra để thu hồi đất hoặc hoàn trả chi phí đầu tư xây dựng trên đất được áp dụng theo các quy định cụ thể tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 tùy theo năng lực và quyết định tiếp tục hay dừng dự án.

Trong quá trình triển khai thực thi Nghị định, Sở Công Thương phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành theo đúng chức năng được phân công:

- Phối hợp rà soát quy hoạch ngành: Phối hợp với cơ quan chủ trì kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của các dự án tồn đọng thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, năng lượng với các quy hoạch ngành và quy hoạch thành phố.

- Phối hợp xử lý các vướng mắc chuyên ngành: Tham gia ý kiến chuyên môn về hạ tầng công nghiệp, thương mại và năng lượng nhằm hỗ trợ cơ quan chủ trì tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình UBND cấp tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho dự án.

Theo Điểm b Khoản 2 Điều 12, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả rà soát tính pháp lý, điều kiện thực hiện dự án, cũng như kết quả xác định lại giá đất, tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất. Đặc biệt, theo Khoản 4 Điều 12, UBND cấp tỉnh chủ động mời Kiểm toán nhà nước tham gia kiểm toán việc xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhằm đảm bảo khách quan, minh bạch, tuyệt đối không để xảy ra thất thoát, lãng phí hay trục lợi chính sách.

Nghị định số 147/2026/NĐ-CP chính là “chìa khóa” pháp lý quan trọng giúp khơi thông nguồn lực đất đai, giải quyết dứt điểm các vướng mắc tồn đọng kéo dài nhiều năm. Các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và người dân cần bám sát các điều khoản quy định, phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực thi để đưa các dự án sớm quay trở lại vòng quay phát triển, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng kinh tế - xã hội bền vững. ■

Triển khai quy định mới về quản lý, xác nhận hoạt động công nghệ cao và sản phẩm công nghệ chiến lược theo Thông tư số 40/2026/TT-BKH-CN

L.H.T.T

Năm 2026 đánh dấu bước tiến quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghệ cao. Với việc ban hành Thông tư số 40/2026/TT-BKH-CN của Bộ Khoa học và Công nghệ, hệ thống khung pháp lý và các biểu mẫu thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa hoàn toàn, tạo hành lang pháp lý minh bạch và thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao và công nghệ chiến lược.

Hệ thống biểu mẫu và thủ tục xác nhận theo Thông tư 40/2026/TT-BKH-CN

Thông tư quy định chi tiết hệ thống hồ sơ, biểu mẫu chuẩn hóa phục vụ công tác đăng ký và xác nhận:

- **Đối với Trung tâm R&D:** Sử dụng Biểu mẫu số 03 (Biên bản kiểm tra định kỳ Trung tâm R&D).

- **Đối với Doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp công nghệ cao (Nhóm 1, Nhóm 2) và doanh nghiệp công nghệ chiến lược:** Sử dụng các biểu mẫu từ Mẫu số 04 đến Mẫu số 11 (bao gồm đơn đăng ký, bản thuyết minh, giấy xác nhận có thời hạn

05 năm và biên bản kiểm tra định kỳ).

- **Đối với Sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và Sản phẩm công nghệ chiến lược:** Sử dụng các biểu mẫu từ Mẫu số 12 đến Mẫu số 15 (bao gồm đơn đăng ký theo Mẫu 12, bản thuyết minh chi tiết theo Mẫu 13, giấy xác nhận có giá trị 05 năm theo Mẫu 14 và biên bản kiểm tra duy trì tiêu chí định kỳ theo Mẫu 15).

Tiêu chuẩn xác nhận đối với sản phẩm công nghệ

Thông tư số 40/2026/TT-BKH-CN cụ thể hóa các tiêu chuẩn kỹ thuật để doanh

nh nghiệp làm căn cứ lập hồ sơ thuyết minh:

- **Sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển:**

+ Thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

+ Được tạo ra từ một hoặc nhiều công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển.

+ Được tạo ra từ một hoặc nhiều công đoạn nghiên cứu, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất, tích hợp hoặc hoàn thiện tại Việt Nam.

+ Tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm đạt tối thiểu 40% (hoặc theo quy định cao hơn do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành).

+ Đã được sản xuất, cung cấp, lưu thông trên thị trường hoặc đã được xuất khẩu/có tài liệu minh chứng khả năng xuất khẩu.

- **Sản phẩm công nghệ chiến lược:**



Doanh nghiệp giới thiệu các sản phẩm công nghệ mới tại một triển lãm khoa học và công nghệ ở Đồng Nai.

+ Thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành và được tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược.

+ Đáp ứng các tiêu chí về giá trị gia tăng, tỷ lệ nội địa hóa tối thiểu 40% và thương mại hóa tương tự sản phẩm công nghệ cao.

+ Đáp ứng tiêu chí tác động đột phá (tạo đột phá về giá trị gia tăng, giải quyết bài toán lớn; tạo chuỗi giá trị, ngành sản xuất hoặc lĩnh vực dịch vụ mới; hoặc là sản phẩm thiết yếu phục vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và hạ tầng trọng yếu).

+ Đáp ứng tiêu chí lợi thế cạnh tranh quốc gia

(thay thế sản phẩm/công nghệ nhập khẩu có ý nghĩa chiến lược, tạo nền tảng dùng chung cho nhiều ngành, hình thành ngành công nghiệp/thị trường mới, hoặc phục vụ hạ tầng trọng yếu, quốc phòng, an ninh, chủ quyền số).

+ Công tác hậu kiểm và trách nhiệm duy trì tiêu chí của doanh nghiệp

Việc quản lý sau khi được cấp Giấy xác nhận được quy định rất chặt chẽ thông qua hệ thống biên bản kiểm tra định kỳ (Mẫu số 11 và Mẫu số 15):

- **Hồ sơ phục vụ hậu kiểm:** Doanh nghiệp phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu minh chứng gồm báo cáo tài chính kiểm toán, tài liệu nghiên cứu phát triển (R&D), hồ sơ nhân sự

trình độ chuyên môn trực tiếp làm R&D, chứng chỉ quản lý chất lượng và hệ thống quản lý môi trường (ISO 14001 hoặc tương đương), cùng hồ sơ sở hữu trí tuệ cập nhật.

- **Tuân thủ chế độ báo cáo:** Doanh nghiệp có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh việc báo cáo định kỳ hằng năm trên nền tảng số của cơ quan có thẩm quyền.

- **Quy định sử dụng Giấy xác nhận:** Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận phải xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa, cho thuê hoặc cho mượn Giấy xác nhận.

Để tận dụng tối đa các lợi thế này, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân hoạt động trong lĩnh vực khoa học - công nghệ hãy chủ động nghiên cứu, cập nhật và thực hiện đúng các quy định, biểu mẫu chuẩn hóa. Việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về kỹ thuật, tỷ lệ nội địa hóa, năng lực nghiên cứu phát triển (R&D) và chế độ báo cáo điện tử không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là chìa khóa giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín, khẳng định giá trị thương hiệu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong kỷ nguyên số. ■

Triển khai Quyết định số 32/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam

P.T.M.L

Thực hiện Quyết định số 32/2026/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam (chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 8 năm 2026 và thay thế Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4), ngành Công Thương có thêm cơ sở pháp lý chuẩn hóa để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực trọng yếu gồm công nghiệp, năng lượng và thương mại.

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc xây dựng theo Quyết định số 32/2026/QĐ-TTg

Căn cứ theo Điều 1 và Điều 2 của Quyết định số 32/2026/QĐ-TTg, hệ thống được xây dựng và áp dụng dựa trên các căn cứ pháp lý cốt lõi sau:

- **Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1):** Quyết định quy định danh mục, nội dung, nguyên tắc và quan điểm xây dựng ngành sản phẩm Việt Nam, áp dụng đối với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng hệ thống này.

- **Về nguyên tắc, quan điểm xây dựng (Điều 2):** Hệ thống tuân thủ 4 nguyên tắc lớn gồm: bảo đảm phản ánh đầy đủ với ngôn ngữ dễ hiểu; bảo đảm sự liên tục, kế thừa và tính so sánh; bảo đảm thích hợp với điều

kiện thu thập số liệu thực tế của nền kinh tế Việt Nam; và bảo đảm thống nhất với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Khái quát cấu trúc 7 cấp mã sản phẩm theo Quyết định số 32/2026/QĐ-TTg

Căn cứ theo Điều 3 của Quyết định số 32/2026/



Hạt điều là nông sản có nhiều tiềm năng xuất khẩu của Đồng Nai. Hoạt động sản xuất sản phẩm hạt điều tại một công ty ở xã Xuân Hòa, thành phố Đồng Nai.

QĐ-TTg và Phụ lục kèm theo, Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam cung cấp bộ mã hóa thống nhất đối với toàn bộ hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế, được cấu trúc thành 7 cấp chi tiết phục vụ công tác tổng hợp dữ liệu thống kê:

- **Cấp 1:** Gồm 22 ngành, quy định ký hiệu bằng chữ cái lần lượt từ A đến V.

- **Cấp 2:** Gồm 87 ngành, đánh mã số bằng hai chữ số từ 01 đến 99.

- **Cấp 3:** Gồm 252 ngành, đánh mã số bằng ba chữ số từ 011 đến 990.

- **Cấp 4:** Gồm 476 ngành, đánh mã số bằng bốn chữ số từ 0111 đến 9900.

- **Cấp 5:** Gồm 699 ngành, đánh mã số bằng năm chữ số từ 01110 đến 99000.

- **Cấp 6:** Gồm 1.785 ngành, đánh mã số bằng sáu chữ số từ 011100 đến 990000.

- **Cấp 7:** Gồm 3.829 ngành, đánh mã số bằng bảy chữ số từ 0111001 đến 9900000.

Bên cạnh đó, theo Điểm b Khoản 2 Điều 3, phần nội dung của hệ thống quy định rõ cấu trúc giải thích bao gồm hai phạm vi: “Bao gồm” (những sản phẩm được xác định



Doanh nghiệp Đồng Nai tham gia các hoạt động giới thiệu sản phẩm địa phương tại một hội nghị xúc tiến thương mại trên địa bàn.

trong ngành) và “Loại trừ” (những sản phẩm không được xác định trong ngành nhưng thuộc các ngành sản phẩm khác), giúp phân định rạch ròi phạm vi quản lý giữa các ngành kinh tế.

3. Gắn kết cấu trúc mã sản phẩm với chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước ngành Công Thương

Việc áp dụng danh mục mã chuẩn quốc gia này hỗ trợ trực tiếp và toàn diện công tác triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Công Thương qua 3 trụ cột chuyên sâu:

- Lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo và Công nghiệp hỗ trợ: Áp dụng hệ thống mã chuẩn từ cấp

lớn đến cấp chi tiết (cấp 7) đối với các dòng sản phẩm cơ khí chính xác, điện tử, hóa chất và vật liệu nhằm thống kê chính xác năng lực sản xuất thực tế.

- Lĩnh vực Năng lượng (Điện, Than, Dầu khí và Năng lượng tái tạo): Thống nhất mã hóa sản phẩm điện năng, nhiên liệu khí, sản phẩm lọc hóa dầu và các dạng năng lượng mới, giúp theo dõi sát sao sản lượng cung cầu, giá thành và dịch vụ truyền tải.

- Lĩnh vực Thương mại trong nước, Xuất nhập khẩu và Hội nhập kinh tế quốc tế: Đồng bộ hóa danh mục dịch vụ phân phối, hàng hóa lưu thông trong nước và xuất nhập khẩu, tạo thuận lợi tối đa cho công tác kiểm

tra, giám sát thị trường và thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA).

Việc chuẩn hóa mã sản phẩm theo Quyết định số 32/2026/QĐ-TTg là cơ sở để ngành Công Thương triển khai các giải pháp số hóa công tác quản lý hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành. Khi hệ thống dữ liệu từ cấp cơ sở đến trung ương cùng sử dụng chung một hệ thống phân loại mã hóa, công tác tổng hợp, phân tích và dự báo các chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đảm bảo độ chính xác, tính thống nhất và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý trong tình hình mới. ■

Đồng Nai: Cụ thể hóa các mức chi hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND và Quyết định số 2131/QĐ-UBND

L.H.T.T

Để đưa các quy định của Hội đồng nhân dân thành phố vào thực tiễn đời sống, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đồng Nai. Quyết định này giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các nội dung thực hiện. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Căn cứ theo Điều 1 của Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND, phạm vi và đối tượng áp dụng được quy định cụ thể như sau:

- **Phạm vi điều chỉnh:** Quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định pháp luật liên quan.

- **Đối tượng áp dụng:** Áp dụng đối với cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ,

cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ và phê duyệt hoạt động hỗ trợ; các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

2. Chi tiết điểm quy định về thù lao và hội thảo khoa học

Căn cứ theo Điều 2 của Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND, các mức chi thù lao và hội thảo được quy định cụ thể:

- **Chi thù lao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Khoản 1 Điều 2):** Mức chi thù

lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ là 70 triệu đồng/người/tháng. Đối với các chức danh quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa bằng 0,8 lần mức của chủ nhiệm nhiệm vụ và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học theo quy định.

- **Chi thù lao tham gia hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học (Khoản 2 Điều 2):**

+ Người chủ trì: 2.000.000 đồng/buổi.

+ Thư ký: 700.000 đồng/buổi.

+ Báo cáo viên trình bày: 5.000.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết nhưng không trình bày: 3.000.000 đồng/báo cáo.

+ Thành viên tham gia: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

- **Chi hội đồng tự đánh giá kết quả và hỗ trợ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- **QCĐP (Khoản 3, Khoản 4 Điều 2):** Chi hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ mức chi tối đa 50% mức chi quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND. Chi hỗ trợ tư vấn

xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP) dưới 50 trang hỗ trợ 24 triệu đồng/QCDP; từ 50 trang trở lên dưới 500 trang cứ mỗi 100 trang tiếp theo hỗ trợ thêm 8 triệu đồng, từ 500 trang trở lên cứ mỗi 100 trang tiếp theo hỗ trợ thêm 6 triệu đồng.

3. Điểm quy định về hỗ trợ hạ tầng và khởi nghiệp sáng tạo

Căn cứ theo Điều 3 của Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND, các nội dung hỗ trợ cụ thể bao gồm:

- **Chi hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, khu làm việc chung (Khoản 1 Điều 3):** Hỗ trợ 100% nhưng tối đa 20 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị; hỗ trợ 100% nhưng tối đa 05 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng trong thời gian tối đa 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê.

- **Chi hỗ trợ sự kiện đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (Khoản 2 Điều 3):** Hỗ trợ 100% nhưng tối đa 10 triệu đồng/đơn vị tham gia đối với kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế dàn dựng gian hàng và truyền thông cho ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo các cấp, tổ chức trình diễn công nghệ mới, hội nghị,



Doanh nghiệp trải nghiệm tại khu vực trưng bày sản phẩm tài chính số tại Diễn đàn Xây dựng khu công nghiệp sinh thái, thông minh - Động lực thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xanh vùng Đông Nam Bộ vào cuối tháng 7-2026.

hội thảo hoặc các cuộc thi khởi nghiệp.

4. Nguồn kinh phí, hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

- **Nguồn kinh phí (Điều 4):** Bố trí từ nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc ngân sách thành phố; các nguồn vốn đối ứng và nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

- **Hiệu lực thi hành (Điều 6):** Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2026. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai cũ và số thứ tự 2, 5 tại Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7

năm 2025. Đồng thời, Quyết định số 2131/QĐ-UBND có hiệu lực kể từ ngày ký (10/08/2026).

- **Điều khoản chuyển tiếp (Điều 7):** Các chương trình, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì trước ngày nghị quyết có hiệu lực tiếp tục áp dụng theo quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc. Các hồ sơ đã nộp nhưng chưa tổ chức Hội đồng tuyển chọn hoặc chưa xét duyệt hỗ trợ tính đến ngày nghị quyết có hiệu lực thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND.

UBND thành phố ban hành quyết định triển khai Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND tạo lập khung khổ tài chính minh bạch cho các hoạt động nghiên cứu, đồng thời đóng vai trò là động lực chiến lược trong việc thúc đẩy phát triển ngành công thương và kinh tế - xã hội của địa phương. Khi các chính sách hỗ trợ về chi phí ứng dụng công nghệ, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, phát triển hạ tầng ương tạo và xúc tiến đổi mới sáng tạo đi vào cuộc sống, cộng đồng doanh nghiệp công nghiệp và thương mại sẽ có thêm điều kiện thuận lợi để hiện đại hóa sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và gia tăng năng lực cạnh tranh, góp phần xây dựng thành phố Đồng Nai trở thành trung tâm công nghệ năng động trong giai đoạn mới. ■

Logistics Việt Nam và bước ngoặt chiến lược đến năm 2050:

KIẾN TẠO KHÔNG GIAN TĂNG TRƯỞNG MỚI TỪ VÙNG ĐỘNG LỰC ĐÔNG NAM BỘ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2229/QĐ-TTg

H.A.T

Nhằm hiện thực hóa tầm nhìn đưa dịch vụ logistics trở thành ngành kinh tế quan trọng với giá trị gia tăng cao, ngày 09/10/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 2229/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2050 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký).

Tiếp nối định hướng chiến lược quốc gia này, ngày 03/07/2026, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức ban hành Quyết định số 4752/QĐ-UBND (có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký) về việc phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai chiến lược trên địa bàn, tạo tiền đề lan tỏa mạnh mẽ kết nối hạ tầng và chuỗi cung ứng đến các địa bàn trọng điểm trong Vùng Đông Nam Bộ như Đồng Nai.

Khát vọng vươn tầm quốc gia qua các chỉ số bứt phá

Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đặt ra những mục tiêu định lượng vô cùng cụ thể nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên trường quốc tế. Theo đó, trong giai đoạn 2025 - 2035, tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ

logistics trong GDP phần đầu đạt từ 5% đến 7%, với tốc độ tăng trưởng hằng năm duy trì ở mức 12% đến 15%. Chi phí logistics so với GDP được định hướng giảm xuống tương đương 12% - 15%, đồng thời cải thiện chỉ số hiệu quả logistics (LPI) vươn lên nhóm 40 quốc gia và vùng lãnh thổ hàng đầu thế giới.

Định hướng đến năm 2050, chiến lược tiếp tục nâng tỷ trọng giá trị tăng thêm trong GDP lên 7% - 9%, đưa chi phí logistics giảm sâu còn 10% - 12% GDP và cải thiện thứ hạng LPI lọt vào nhóm 30 quốc gia và vùng lãnh thổ hàng đầu. Để hiện thực hóa mục tiêu này, hệ thống hạ tầng logistics quốc gia sẽ hình thành ít nhất 05 trung tâm dịch vụ logistics hiện đại ngang tầm quốc tế trong giai đoạn đầu và mở rộng lên ít nhất 10 trung tâm

vào tầm nhìn 2050, đồng thời thúc đẩy 100% doanh nghiệp ứng dụng chuyển đổi số gắn với mục tiêu đưa phát thải ròng quốc gia về 0.

Tại cấp độ địa phương, Kế hoạch hành động ban hành theo Quyết định số 4752/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực từ ngày 03/07/2026) đã thể hiện rõ vai trò đầu tàu khi đặt mục tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của logistics trong GRDP địa phương đạt 8% - 10% (giai đoạn 2026 - 2035) và 10% - 12% (giai đoạn 2036 - 2050), khẳng định quyết tâm nội địa hóa các tiêu chuẩn khắt khe về chuyển đổi số và phát triển xanh.

Đồng bộ thể chế, hạ tầng và liên kết vùng động lực

Nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn và tạo động lực cho ngành logistics cất cánh, hệ thống nhiệm vụ trọng tâm đã được phân công rõ ràng cho các bộ, ngành và địa phương theo định hướng tại Quyết định số 2229/QĐ-

TTg của Thủ tướng Chính phủ. Công tác hoàn thiện thể chế pháp luật giai đoạn 2025 - 2030 tập trung vào việc rà soát, sửa đổi các quy định về kinh doanh dịch vụ logistics, quy hoạch, đất đai và đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên nền tảng dữ liệu số.

Bên cạnh đó, việc phát triển kết cấu hạ tầng đa phương thức được ưu tiên đặc biệt theo đúng tinh thần của Quyết định số 2229/QĐ-TTg. Các cơ quan quản lý tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế, đồng thời hình thành các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đội tàu biển container, đội tàu bay chuyên chở hàng hóa và phương tiện vận tải ứng dụng công nghệ xanh.

Dựa trên các kế hoạch triển khai liên kết vùng (như định hướng tại Quyết định số 4752/QĐ-UBND

của TP.HCM), chiến lược nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hình thành vùng động lực tăng trưởng dịch vụ logistics Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm có tính chất đầu tàu công nghiệp, thương mại và xuất nhập khẩu cả nước. Trong không gian liên kết đó, Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò hạt nhân trung tâm, là đầu mối điều phối tài chính, dịch vụ thương mại cấp cao và kết nối luồng hàng hóa quốc tế; trong khi đó, Đồng Nai đóng vai trò mắt xích bản lề chiến lược, tạo động lực lan tỏa mạnh mẽ thông qua việc kết nối trực tiếp các trục giao thông huyết mạch, các tuyến vành đai liên vùng, hệ thống hạ tầng hàng không - cảng biển nước sâu với các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Vai trò của thành phố Đồng Nai trong không gian logistics mới

Nằm ở vị trí trung tâm

của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thành phố Đồng Nai giữ một vị thế chiến lược mang tính bản lề trong việc cụ thể hóa các mục tiêu của Quyết định số 2229/QĐ-TTg. Vị thế này càng được khẳng định vững chắc thông qua Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo phương án phát triển hạ tầng và mạng lưới logistics được quy định chi tiết tại Quyết định số 779/QĐ-UBND, Đồng Nai đang kiến tạo một hệ sinh thái logistics toàn diện với các trụ cột chiến lược:

- Hệ thống trung tâm logistics tầm cỡ: Thành phố Đồng Nai quy hoạch phát triển mạng lưới trung tâm logistics đa dạng gồm các trung tâm gắn liền với Cảng hàng không quốc tế Long Thành (như Trung tâm logistics phía Nam cảng hàng không quốc tế Long Thành quy mô 100 ha tại xã Long Phước và Phước Thái; Trung tâm logistics phía Đông Bắc cảng hàng không quốc tế Long Thành quy mô 100 ha tại xã Xuân Quế), Trung tâm logistics tổng kho trung chuyển miền Đông (298 ha tại xã An Viễn và Trảng Bom), cùng các trung tâm đề xuất mới như Phước Thái (100 ha) và Dầu Giây (150 ha). ➡



Thành phố Đồng Nai quy hoạch phát triển mạng lưới trung tâm logistics đa dạng.

➡ - **Mạng lưới cảng cạn kết nối liên vùng:** Quy hoạch hệ thống cảng cạn phủ khắp các đô thị và khu công nghiệp trọng điểm như Cảng cạn Biên Hòa - Tân cảng Long Bình (30 - 50 ha), Cảng cạn Nhơn Trạch - Tân cảng Nhơn Trạch (15 - 20 ha), Cảng cạn Long Thành (50 ha tại xã Long Phước), Cảng cạn Trảng Bom (50 ha tại xã An Viễn), cùng các cảng cạn Tam Phước, Phước An, Tân Vạn và Cẩm Mỹ.

- **Hạ tầng hàng không và đô thị sân bay đột phá:** Tâm điểm của hệ thống là Cảng hàng không quốc tế Long Thành đạt cấp 4F với quy mô 5.000 ha, kết hợp cùng Khu thương mại tự do gắn với đô thị sân bay Long Thành và vùng phụ cận có quy mô từ 7.000 đến 10.000 ha.

Việc triển khai đồng bộ các hành lang logistics, kết hợp hạ tầng hàng không, cảng cạn và hệ thống giao thông liên vận quốc tế sẽ giúp Đồng Nai kết nối thông suốt các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn với hệ thống cảng biển nước sâu và tuyến đường sắt Xuyên Á. Qua đó, địa phương không chỉ tối ưu hóa chi phí lưu thông hàng hóa mà còn tạo sức hút mạnh mẽ đối với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho cộng đồng doanh nghiệp và thúc đẩy dịch vụ logistics Việt Nam vươn sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. ■

Những điểm mới của Luật Thương mại điện tử và tác động đối với doanh nghiệp, người dân theo Luật số 122/2025/QH15 và Quyết định số 776/QĐ-TTg

H.A.T

Trong bối cảnh nền kinh tế số phát triển bùng nổ, việc hoàn thiện khung khổ pháp lý để bảo vệ người tiêu dùng và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh là yêu cầu cấp thiết. Mới đây, hệ thống văn bản pháp luật quan trọng đã được ban hành, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực kinh tế trực tuyến.

1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cốt lõi

- **Luật Thương mại điện tử:** Luật số 122/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10/12/2025, có hiệu lực thi

hành từ ngày 01/07/2026, quy định toàn diện về hoạt động thương mại điện tử, quyền, nghĩa vụ của các chủ thể và công tác quản lý nhà nước.

- **Kế hoạch triển khai:** Quyết định số 776/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/04/2026



Hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên nền tảng trực tuyến tại chương trình "Khuyến mãi hàng hiệu - Đồng Nai Mega Sale 2026" do Sở Công Thương tổ chức vào đầu tháng 6-2026.



Doanh nghiệp Đồng Nai livestream bán hàng, quảng bá sản phẩm tại một hội nghị kết nối giao thương diễn ra vào tháng 8-2026.

về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thương mại điện tử, nhằm đưa các quy định pháp luật đi vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.

2. Các điểm quy định trọng tâm tác động trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp

- **Sắp xếp lại hoạt động kinh doanh trực tuyến và trách nhiệm định danh:** Căn cứ theo các điều khoản của Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử phải thực hiện nghiêm túc việc công khai thông tin định danh, minh bạch nguồn gốc xuất xứ hàng hóa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm cung cấp trên không gian mạng.

- **Chấn chỉnh hoạt động phát trực tiếp bán hàng:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 22 và Điều 24 Luật

Thương mại điện tử số 122/2025/QH15, chủ thể thực hiện phát trực tiếp bán hàng phải hoàn thành việc định danh và xác thực điện tử; tuyệt đối không cung cấp thông tin sai lệch, phóng đại công dụng sản phẩm hoặc vi phạm chuẩn mực văn hóa, đạo đức xã hội.

- **Minh bạch hóa hoạt động tiếp thị liên kết:** Căn cứ theo Điều 26 Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15, người làm tiếp thị liên kết bắt buộc phải tuân thủ các chuẩn mực về định danh điện tử, đồng thời có trách nhiệm từ chối quảng bá cho các mặt hàng không rõ nguồn gốc, hàng vi phạm pháp luật hoặc các nền tảng kinh doanh trái phép.

Bám sát chỉ đạo tại Quyết định số 776/QĐ-TTg, Sở Công Thương với vai trò là cơ quan đầu mối chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai hiệu quả Luật Thương mại

điện tử số 122/2025/QH15 tại địa phương thông qua các nhiệm vụ trọng tâm:

- **Tuyên truyền, phổ biến pháp luật:** Đổi mới phương thức truyền thông, tổ chức tập huấn chuyên sâu giúp cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân nắm vững các quy định mới để tuân thủ đúng pháp luật.

- **Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:** Chủ trì phối hợp với các lực lượng chức năng tăng cường giám sát thị trường trực tuyến, tập trung vào các hình thức thương mại mới như phát trực tiếp, mạng xã hội thương mại; kịp thời xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại.

- **Hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp:** Triển khai các chương trình đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng giải pháp công nghệ, xây dựng hệ sinh thái thương mại điện tử văn minh, an toàn và phát triển bền vững.

Sự ra đời của Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15 cùng sự chỉ đạo quyết liệt từ Chính phủ qua Quyết định số 776/QĐ-TTg chính là nền tảng pháp lý vững chắc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng và là bệ phóng cho các doanh nghiệp chân chính bứt phá. Đổi mới tư duy kinh doanh, thượng tôn pháp luật trong không gian số không chỉ là nghĩa vụ mà còn là chìa khóa vàng giúp doanh nghiệp và người dân vươn xa trong kỷ nguyên kinh tế số. ■

CẬP NHẬT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THEO THÔNG TƯ SỐ 33/2023/TT-BTC VÀ THÔNG TƯ SỐ 124/2026/TT-BTC

N.H.Q

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, việc xác định chính xác xuất xứ hàng hóa đóng vai trò cốt lõi giúp doanh nghiệp tối ưu hóa ưu đãi thuế quan từ các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), đồng thời phòng ngừa rủi ro pháp lý trong hoạt động thương mại xuyên biên giới. Nhằm cung cấp thông tin rõ ràng, dễ tiếp cận theo đúng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, bản tin này tổng hợp toàn diện các quy định trọng tâm theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2023) và Thông tư số 124/2026/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2023/TT-BTC (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2026).

1. Nội dung trọng tâm theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC và Thông tư số 124/2026/TT-BTC

- **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:** Theo Điều 1 và Điều 2 của Thông tư số 33/2023/TT-BTC, văn bản quy định về hồ sơ, thủ tục kiểm tra xác định trước xuất xứ; việc khai báo, nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ; thủ tục, nội dung kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng đối với người khai hải quan, cơ quan hải quan, tổ chức cấp

chứng từ chứng nhận xuất xứ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- **Thủ tục xác định trước xuất xứ (Chương II):** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ gồm đơn đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục I), bảng kê chi phí sản xuất (Phụ lục II), bảng khai báo xuất xứ của nhà sản xuất/nhà cung cấp nguyên liệu trong nước (Phụ lục III)... nộp cho Tổng cục Hải quan trước khi làm thủ tục hải quan để được xác định trước xuất xứ.

- **Quản lý và kiểm tra đối với hàng hóa xuất khẩu (Chương III):** Người khai

hải quan khai báo xuất xứ trên tờ khai hải quan nhưng không bắt buộc phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ khi thông quan (trừ trường hợp tự nguyện đề nghị). Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra trong thông quan hoặc tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất (theo mẫu quyết định kiểm tra tại Phụ lục IV) khi phát hiện dấu hiệu rủi ro.

- **Quy định chi tiết đối với hàng hóa nhập khẩu (Chương IV):**

+ **Khai báo và nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ:** Người khai hải quan phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Điều 10, Điều 11 và Điều 12. Đối với các mặt hàng thuộc danh mục tại Phụ lục V (như thịt và sản phẩm từ thịt gia súc/gia cầm, than đá, ô tô thuộc Chương 87), việc nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ cho cơ quan hải quan là bắt buộc.

+ **Cơ chế quản lý rủi ro mới nhất:** Theo khoản 1



Hội nghị tập huấn Nâng cao năng lực ứng phó phòng vệ thương mại và cảnh báo sớm năm 2026 được tổ chức tại Đồng Nai vào tháng 7-2026.

Điều 1 của Thông tư số 124/2026/TT-BTC (về việc bổ sung khoản 10 vào Điều 15 của Thông tư số 33/2023/TT-BTC), việc kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.

+ Xử lý kỹ thuật và xác minh: Thông tư quy định cụ thể cách xử lý khi có sự khác biệt về mã số hàng hóa (Điều 16), quy định về vận tải trực tiếp và C/O giá trị (Điều 17, Điều 18), quy trình xác minh xuất xứ nước ngoài trong thời hạn không quá 180 ngày (Điều 19, Điều 20), xử lý kết quả xác minh (Điều 21) cũng như quy định lập phiếu theo dõi trừ lùi hàng hóa nhập khẩu nhiều lần (Điều 22 và mẫu tại Phụ lục VII).

Trong hệ sinh thái quản lý nhà nước và hỗ trợ thương mại địa phương, Sở Công Thương đóng vai trò là cầu nối chiến lược và cơ quan

tham mưu đặc lực cho Ủy ban nhân dân thành phố:

- Tuyên truyền và phổ biến pháp luật: Chủ trì phối hợp với các cơ quan hải quan tổ chức các hội nghị tập huấn, phổ biến sâu rộng các điểm mới của Thông tư số 33/2023/TT-BTC và Thông tư số 124/2026/TT-BTC đến cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn.

- Hướng dẫn nghiệp vụ và nguyên tắc xuất xứ: Hướng dẫn, hỗ trợ thương nhân xây dựng hồ sơ năng lực sản xuất, áp dụng đúng quy tắc xuất xứ theo các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và thực hiện xác nhận nguồn gốc nguyên liệu nội địa theo đúng biểu mẫu pháp luật quy định.

- Đồng hành và tháo gỡ khó khăn: Tiếp nhận các vướng mắc thực tế của doanh nghiệp liên quan đến quy tắc xuất xứ, từ đó báo cáo UBND thành phố, Bộ Công Thương kịp thời

giải quyết, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các nhà sản xuất và xuất nhập khẩu địa phương.

Việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về xác định xuất xứ theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 124/2026/TT-BTC) không chỉ là nghĩa vụ pháp lý bắt buộc khi thực hiện thủ tục hải quan mà còn là chìa khóa giúp doanh nghiệp khẳng định uy tín, minh bạch chuỗi cung ứng và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp xuất nhập khẩu cần thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật, chủ động rà soát hồ sơ chứng từ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước như Cơ quan Hải quan và Sở Công Thương để hoạt động sản xuất, kinh doanh diễn ra thuận lợi, đúng pháp luật và phát triển bền vững. ■



Lời cảm ơn

Kính thưa quý độc giả, quý doanh nghiệp và toàn thể các cơ quan, đơn vị!

Ban Biên tập Bản tin Công Thương Đồng Nai xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các cơ quan quản lý, cộng đồng doanh nghiệp và quý độc giả đã luôn quan tâm, đồng hành cùng các ấn phẩm trong suốt thời gian qua.

Mọi ý kiến đóng góp và sự đón nhận của quý vị là động lực để chúng tôi không ngừng nâng cao chất lượng nội dung, đảm bảo tính bám sát thực tiễn sản xuất và nhu cầu thông tin của xã hội.

Rất mong tiếp tục nhận được sự đồng hành của quý vị trong các số phát hành tiếp theo.

Kính chúc quý vị sức khỏe, thành công và thắng lợi trong sản xuất, kinh doanh!

BAN BIÊN TẬP BẢN TIN CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 2, Nguyễn Văn Trị, phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai - Điện thoại: 0251.3823317
Email: sct@dongnai.gov.vn - Website: <https://sct.dongnai.gov.vn>